

AV-292-GG



Model: AV5V-F9-610x610x292-GG-32

AV5V: AirFil-V, Lọc khối cứng 5V Rigid Bank

F9: Cấp lọc theo EN 779:2012

610x610x292: Kích thước WxLxD mm

GG: Khung thép mạ kẽm - vật liệu lọc sợi thủy tinh siêu mịn

32: Diện tích vật liệu lọc m²

ỨNG DỤNG

- Lọc khí tuyệt đối hiệu suất cao, lưu lượng lớn.
- Hệ thống thông gió phòng sạch.
- Sử dụng trong ngành vi điện tử, thực phẩm, nhiếp ảnh, trung tâm dữ liệu, bệnh viện và công nghiệp thiết bị y tế.

Lọc dạng V lưu lượng cao

Khung: Thép mạ kẽm

Vật liệu lọc: Sợi thủy tinh

Loại khung HF: Không có

Nhiệt độ tối đa: 80°C

Độ ẩm tương đối: 100%

Giai đoạn lọc: II-III

Chênh áp cuối:

- EN 779:2012: 450 Pa.
- ISO 16890: 300 Pa.

Cấp độ chống cháy: K1/F1 theo tiêu chuẩn DIN53438

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc ISO 16890	Cấp lọc EN 779:2012	Số lượng V-Banks	Diện tích vật liệu lọc m ²	Lưu lượng m ³ /h	Chênh áp ban đầu Pa.
AV2V-M6-305x305x292-GG-8	250001M	MV6G2R08N0XX	305x305x292	eePM10>60%	M6	2V	8	800	60
AV2V-M6-305x610x292-GG-16	250002M	MV6G2R16N0XX	305x610x292	ePM10>60%	M6	2V	16	1650	60
AV4V-M6-457x610x292-GG-24	250003M	MV6G4R24N0XX	457x610x292	ePM10>60%	M6	4V	24	2700	60
AV5V-M6-610x610x292-GG-32	250004M	MV6G5R32N0XX	610x610x292	ePM10>60%	M6	5V	32	3400	60
AV6V-M6-610x762x292-GG-40	250005M	MV6G6R40N0XX	610x762x292	ePM10>60%	M6	6V	40	4250	60
AV8V-M6-610x915x292-GG-48	250006M	MV6G8R48N0XX	610x915x292	ePM10>60%	M6	8V	48	5100	60
AV2V-F7-305x305x292-GG-8	250007M	MV7G2R08N0XX	305x305x292	ePM1>50%	F7	2V	8	800	70
AV2V-F7-305x610x292-GG-16	250008M	MV7G2R16N0XX	305x610x292	ePM1>50%	F7	2V	16	1650	70
AV4V-F7-457x610x292-GG-24	250009M	MV7G4R24N0XX	457x610x292	ePM1>50%	F7	4V	24	2700	70
AV5V-F7-610x610x292-GG-32	250010M	MV7G5R32N0XX	610x610x292	ePM1>50%	F7	5V	32	3400	70
AV6V-F7-610x762x292-GG-40	250011M	MV7G6R40N0XX	610x762x292	ePM1>50%	F7	6V	40	4250	70
AV8V-F7-610x915x292-GG-48	250012M	MV7G8R48N0XX	610x915x292	ePM1>50%	F7	8V	48	5100	70
AV2V-F8-305x305x292-GG-8	250013M	MV8G2R08N0XX	305x305x292	ePM1>65%	F8	2V	8	800	80
AV2V-F8-305x610x292-GG-16	250014M	MV8G2R16N0XX	305x610x292	ePM1>65%	F8	2V	16	1650	80
AV4V-F8-457x610x292-GG-24	250015M	MV8G4R24N0XX	457x610x292	ePM1>65%	F8	4V	24	2700	80
AV5V-F8-610x610x292-GG-32	250016M	MV8G5R32N0XX	610x610x292	eePM1>65%	F8	5V	32	3400	80
AV6V-F8-610x762x292-GG-40	250017M	MV8G6R40N0XX	610x762x292	ePM1>65%	F8	6V	40	4250	80
AV8V-F8-610x915x292-GG-48	250018M	MV8G8R48N0XX	610x915x292	ePM1>65%	F8	8V	48	5100	80
AV2V-F9-305x305x292-GG-8	250019M	MV9G2R08N0XX	305x305x292	ePM1>80%	F9	2V	8	800	90
AV2V-F9-305x610x292-GG-16	250020M	MV9G2R16N0XX	305x610x292	ePM1>80%	F9	2V	16	1650	90
AV4V-F9-457x610x292-GG-24	250021M	MV9G4R24N0XX	457x610x292	ePM1>80%	F9	4V	24	2700	90
AV5V-F9-610x610x292-GG-32	250022M	MV9G5R32N0XX	610x610x292	ePM1>80%	F9	5V	32	3400	90
AV6V-F9-610x762x292-GG-40	250023M	MV9G6R40N0XX	610x762x292	ePM1>80%	F9	6V	40	4250	90
AV8V-F9-610x915x292-GG-48	250024M	MV9G8R48N0XX	610x915x292	ePM1>80%	F9	8V	48	5100	90

Tùy chọn khác theo yêu cầu:

Khung: Nhôm, Inox 304, Inox 316. **Vật liệu lọc:** Loại chịu nhiệt cao 120°C.

Loại khung HF: Không, đơn 20/25 mm, đôi 20/25 mm, Kích thước theo yêu cầu.

Lưới bảo vệ: Không lưới, Mặt gió ra, Cả hai mặt. **Vị trí gioăng:** Không có, Mặt gió ra, Mặt gió vào.

Loại gioăng: Không gioăng, Polyurethane, Cao su, EPDM, Gioăng chịu nhiệt cao

Chứng nhận ATEX: cho bộ lọc không khí phù hợp cho khu vực có nguy cơ cháy nổ vùng 1, 2, 21 và 22.

CChứng nhận vệ sinh: Lọc Rigid V Bank | VDI 6022 Blatt 1:2018, VDI 3803 Blatt 1:2020, DIN 1946-4:2018, ISO 846:2019 Plastics, BS EN 17141:2020.

Vật liệu tuân thủ tiếp xúc thực phẩm: Lọc Rigid V Bank | (EC) No 1935/2004, (EC) No 2002/72, (EU) No 10/2011, (EU) No 2020/1245, U.S. FDA-Determining the Regulatory Status of Components of a Food Contact Material.

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT